

Số: 323/BVSN-KD

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

V/v mời chào giá vật tư, hóa chất, môi trường sử dụng cho hỗ trợ sinh sản (lần 1)

Kính gửi: - Sở Y tế Quảng Ninh
- Các đơn vị quan tâm

Căn cứ Văn bản số 5888/BYT-TB-CT ngày 29/10/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư 14/2020/TT-BYT;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-BVSN ngày 12/01/2022 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm trang thiết bị y tế, vật tư, hóa chất, y dụng cụ phục vụ hoạt động thường xuyên của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh;

Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh có nhu cầu mua sắm vật tư, hóa chất, môi trường sử dụng cho Hỗ trợ sinh sản (lần 1) (Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm).

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hóa chất nêu trên báo giá và cung cấp thông tin theo mẫu tại phụ lục 2.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 24/3/2022 đến trước 16 giờ 00 ngày 01/4/2022.

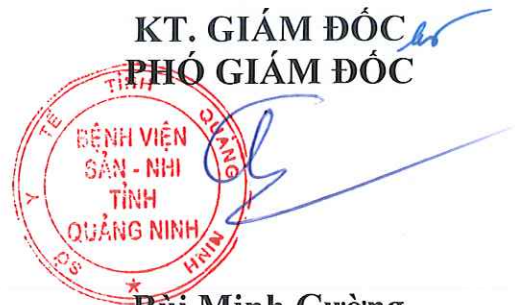
Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dược – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh)

Điện thoại liên hệ: 02033.696568 hoặc 0915.694.888

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Nt (Phê duyệt);
- Lưu: VT, KHTH.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC 1



(Kèm theo Thư mời ngày 24/3/2022 của Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Môi trường rửa tinh trùng 30ml	Môi trường dùng để chuẩn bị tinh trùng. Thành phần: Calcium chloride, EDTA, Gentamicin, Glucose, HEPES, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, sodium carbonate, sodium chloride.... Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Môi trường pH=7.35 ± 0.1. Áp suất thẩm thấu: 290 ± 5 (mOsm/kg). Độ độc tế vi khuẩn < 0.25 (IU). Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 30ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	50
2	Môi trường đông tinh 10ml	Môi trường dùng để đông lạnh tinh trùng. Thành phần: Calcium chloride, Chemically Defined Lipid Concentrate, Gentamicin, Glucose, Glycerol, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium chloride, MOPS, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, ...Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 2700±300. Môi trường pH =7,45±0,20. Nội độc tế vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: <0,5. Khả năng sống của tinh trùng > 80%. Hộp ≥ 4 x 10ml . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	5
3	Môi trường rửa dụng cụ và làm sạch cổ tử cung	Dung dịch dùng để rửa dụng cụ và làm sạch cổ tử cung, không dùng để nuôi cấy. Thành phần bao gồm: Calcium Chloride, Gentamicin, Magnesium sulphate, Potassium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium pyruvate, Nước tiêm. pH (tại +37°C và 6% CO2): 7,30 ± 0,10. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tế vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 125ml .Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	120
4	Môi trường thao tác trứng chứa HAS	Môi trường xử lý và thao tác với trứng và phôi; Môi trường đệm MOPS chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và môi trường 6% CO2): 7,27 ± 0,07; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3; Nội độc tế vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, EDTA, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Lipoic acid, Magnesium sulphate, Methionine, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium citrate, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm. Lọ ≥ 125ml. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	5
5	Môi trường thao tác trứng chứa albumin huyết thanh người	Môi trường xử lý và thao tác với trứng và phôi; Môi trường đệm MOPS chứa Albumin huyết thanh người; pH (tại +37°C và 6% CO2): 7,27 ± 0,07; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3; Nội độc tế vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80; Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): ĐẠT; Thành phần: Alanine, Alanyl-glutamine, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Magnesium sulphate, MOPS, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium dihydrogen phosphate, Sodium hydroxide, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Taurine, Nước tiêm. . Lọ ≥ 30ml. . Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	55

6	Môi trường thụ tinh	Môi trường để chuẩn bị và xử lý trứng và tinh trùng, và cho thụ tinh ống nghiệm. Môi trường đệm bicarbonate chứa Albumin huyết thanh người. Thành phần bao gồm: Alanine, Alanyl-glutamate, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Albumin huyết thanh người, Hyaluronan, Lipoic acid, Magnesium sulphate, Methionine, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Taurine, nước tiêm. .. pH (tại +37°C và môi trường 6% CO ₂): 7,30 ± 0,10. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 60ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	170
7	Môi trường chuyển phôi	Môi trường dùng để chuyển phôi. Dung dịch đệm Bicarbonate có chứa Hyaluronan và Albumin người tái tổ hợp. Thành phần bao gồm: Alanine, Alanyl-glutamate, Asparagine, Aspartate, Calcium chloride, Calcium pantothenate, Cystine, Gentamicin, Glucose, Glutamate, Glycine, Hyaluronan, Magnesium sulphate, Methionine, Potassium chloride, Proline, Serine, Sodium bicarbonate, Taurine, nước tiêm...pH (tại +37°C và 6% CO ₂): 7,30 ± 0,10. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	1
8	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng	Môi trường cố định và cô lập tinh trùng trước khi làm ICSI. Xử lý nhớt tinh trùng có chứa Albumin người tái tổ hợp và PVP. Thành phần bao gồm: Calcium chloride, EDTA, Glucose, Magnesium sulphate, Polyvinylpyrrolidone (PVP), Potassium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Albumin người tái tổ hợp, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Nước tiêm. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phục hồi vận động tinh trùng người cho ICSI: ≥ 40% di động ban đầu. Hộp ≥ 5 x 0,1 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	25
9	Môi trường nuôi phôi liên tục	Môi trường nuôi cấy phôi từ khi thụ tinh đến giai đoạn túi phôi. Môi trường đệm bicarbonate chứa Hyaluronan và Albumin huyết thanh người. Thành phần bao gồm: Alanine, Alanyl-glutamin, Arginin, Asparagine, Aspartat, CaCl ₂ , Canxi pantothenat, Cystin, EDTA, Gentamicin, Glucose, Glutamat, Glycine, Histidin, Hyaluronan, Isoleucin, Natri citrat, Nước tiêm...pH (tại +37°C và 6% CO ₂): 7,30 ± 0,10. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 270 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Lọ ≥ 30ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	70
10	Môi trường phủ đĩa nuôi cấy	Dùng để phủ lên môi trường trong suốt quá trình thụ tinh trong ống nghiệm và các quá trình vi thao tác. Dầu khoáng parafin, đã lọc tiệt trùng. Mức độ đảm bảo tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3. Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,25. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (tỷ lệ túi phôi phát triển trong vòng 96 giờ) [%]: ≥ 80. Thử nghiệm phôi chuột (1 tế bào) (số lượng tế bào túi phôi trong vòng 96 giờ): Đạt. Lọ ≥ 100ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	160
11	Dung dịch chứa Hyaluronidase	Dung dịch dùng để loại bỏ tế bào cumulus. Đệm muối sinh lý chứa Hyaluronidase và Albumin huyết thanh người. Thành phần bao gồm: Calcium chloride, di-Sodium dihydrogen phosphate, Albumin huyết thanh người, Hyaluronidase, Magnesium chloride, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium lactate, nước tiêm...pH (tại +37°C và môi trường xung quanh): 7,27 ± 0,07. Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 280 ± 5. Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: < 0,5. Thử nghiệm loại bỏ tế bào cumulus: Đạt. Hộp ≥ '5 x 0,1 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	60



12	Môi trường chọn lọc tinh trùng	Môi trường dùng để phân loại tinh trùng theo phương pháp gradient; Môi trường đệm bicarbonate và đệm HEPES chứa các hạt keo silica phủ silane; pH (tại +20°C±1°C và môi trường xung quanh): 7,60±0,20; Độ thẩm thấu [mOsm/kg]: 300±10; Mức độ an toàn tiệt trùng (lọc tiệt trùng): 1E-3; Nội độc tố vi khuẩn (thử nghiệm LAL) [IU hoặc EU/mL]: <0,5; Thử nghiệm phục hồi tinh trùng người (tỷ lệ phục hồi sau khi phân tách) [%]: ≥25; Thành phần: Calcium chloride, Glucose, HEPES, Magnesium sulphate, mono-Potassium hydrogen phosphate, Potassium chloride, Hạt keo silica phủ silane, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Sodium lactate, Sodium pyruvate, Nước tiêm; Tiêu chuẩn: ISO 13485.	Kit	10
13	Kim tiêm trứng có đầu nhọn góc 35°	Dụng cụ dùng trong vi thao tác, tiêm trứng. Đường kính trong: 4-5,5 µm. Chiều dài đầu tip: 17-20 µm. Chiều dài kim: 55-65 mm, góc 35°. Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc đầu bên trong. Phần đầu mở phía trên được đánh bóng bằng nhiệt. Được kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Được tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	400
14	Kim giữ phôi có đầu nhọn góc 35°	Dụng cụ dùng trong vi thao tác, giữ phôi Đường kính trong: 20-30 µm. Chiều dài đầu tip: 120± 10 µm. Chiều dài kim: 50-60 mm, góc 35°. Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc đầu bên trong. Phần đầu mở phía trên được đánh bóng bằng nhiệt. Được kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Được tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	750
15	Kim sinh thiết phôi góc 35°, đường kính trong 30 µm	Dụng cụ dùng trong vi thao tác, thu sinh thiết phôi ngày 3. Đường kính trong: 30 µm, góc 35°. Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc đầu bên trong. Cạnh nhẵn mịn, 2 thành kim song song, phần đầu mở phía trên được đánh bóng bằng nhiệt. Được kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Được tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	250
16	Kim sinh thiết phôi góc 35°, đường kính trong 25 µm	Dụng cụ dùng trong vi thao tác, thu sinh thiết phôi ngày 5. Đường kính trong: 25 µm, góc 35°. Vật liệu: thủy tinh borosilicate tránh bị tắc đầu bên trong. Cạnh nhẵn mịn, 2 thành kim song song, phần đầu mở phía trên được đánh bóng bằng nhiệt. Được kiểm nghiệm MEA-test và LAL-test. Được tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10
17	Kim sinh thiết gai nhau	Dụng cụ dùng để làm sinh thiết nhau thai có hướng dẫn siêu âm. Chiều dài 150 mm, đường kính ngoài 1mm G19 (gauge). Được trang bị cùng kim thăm dò và khóa kết nối với 1 ống tiêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10
18	Đĩa nuôi cấy 5 giếng	Dùng để tách bào tương trứng trước khi làm ICSI, nuôi cấy và đông lạnh. Gồm 5 giếng có đánh số. Vật liệu polystyrene. Truyền nhiệt tối ưu: dưới đáy hoàn toàn bằng phẳng với độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa. Kiểm nghiệm MEA-test. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.000
19	Đĩa nuôi cấy vi giọt 12 giếng	Dùng để nuôi cấy phôi. Gồm 12 vi giếng tối ưu cho các giọt từ 25-30 µl. Vật liệu polystyrene. Nhận diện bằng chữ và số, có gờ bảo vệ giữa các vi giếng. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.000
20	Đĩa nuôi cấy Ø40 mm	Dùng để lấy trứng, thụ tinh và nuôi cấy. Đường kính ngoài: 40 mm. Có gờ an toàn ở mép đĩa để giảm thiểu nguy cơ chảy tràn. Vật liệu polystyrene. Được kiểm nghiệm MEA-test và HSSA-test. Khử trùng bằng chiếu xạ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2.400
21	Đĩa thu trứng 90mm	Đường kính ngoài: 90 mm; Vật liệu polystyrene được kiểm nghiệm USP cấp VI; Truyền nhiệt tối ưu: dưới đáy hoàn toàn bằng phẳng với độ tiếp xúc 100% trên từng đĩa đơn và trên mọi loại đĩa; Đạt chuẩn kiểm định thiết bị Y tế châu Âu loại IIa, CMD/CAS Canada; Khử trùng bằng chiếu xạ; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	960

Tên nhà thầu: Công ty
 Địa chỉ liên hệ:
 Điện thoại:
 Email:



PHỤ LỤC 2
BÁO GIÁ TRANG THIẾT BỊ, HOÀ CHẤT, SINH PHẨM Y TẾ

Công ty xin gửi tới quý cơ quan/đơn vị thông tin của các mặt hàng công ty có thể cung cấp như sau:

Đơn vị: VNĐ

STT	Mã hàng hóa dùng chung theo quy định	Tên hàng hóa	Tên Thương mại, Ký mã hiệu hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu.	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Hãng chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Nước cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do	Phân loại TTBYT (A,B,C,D)	Phân nhóm theo TT 14/2020	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất			Ghi Chú		
															Giá trúng thầu	Số QĐ phê duyệt trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
1																				
2																				
3																				

Ghi chú:
 (09) là giá trọn gói bao gồm các loại thuế, phí, bảo hiểm, vận chuyển, giao hàng tại kho Bệnh viện. Giá trúng thầu ưu tiên tham khảo giá đã được công khai trên cổng thông tin của Bộ Y tế.
 Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày ký

Ngày tháng năm 2022
 Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
 (ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)